TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2018/DS - ST
Ngày 21- 09 - 2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1 - Ông Hoàng Văn Đức

2 – Ông Vũ Tiến Thịnh

- ***Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- ***Đại diện VKSNDTP Thái Bình tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-DS ngày 19/06/2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 08 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Bùi Hữu T**, sinh năm 1947

Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1950

ĐKHK và chỗ ở: Số 4/13, đường T, tổ 02, phường K, thành phố T, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Bùi Hữu H**, sinh năm 1972

Chị **Nguyễn Thị T** (Vũ Thị C), sinh năm 1974

ĐKHK và chỗ ở: Số nhà 03, ngõ 13, Tổ 04, phường K, thành phố T, tỉnh T.

(*Ông T, bà l và anh H có mặt; chị T (c) có đơn ủy quyền*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2018, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn: Ông Bùi Hữu T và bà Nguyễn Thị L trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2016 vợ chồng ông T bà L có cho vợ chồng anh H chị T (Vũ Thị C) vay số tiền 24.000.000 đồng để xây nhà, hai bên thỏa thuận lãi suất tiền vay là 500.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 4 năm 2016. Vợ chồng anh H

chị T đã thực hiện trả lãi cho vợ chồng ông T bà L từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 12 năm 2017 và tháng 01 năm 2018 anh chị trả tiền lãi là 300.000 đồng. Kể từ tháng 02 năm 2018 anh chị không trả lãi cho ông bà. Nay ông T bà L có đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị anh H chị T (C) trả cho ông bà số tiền gốc là 24.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 02 năm 2018 và số tiền còn thiếu của tháng 1 năm 2018 là 200.000 đồng.

Tại các phiên hòa giải ngày 09/7/2018 và 13/8/2018 ông T bà L cho rằng: Yêu cầu anh H chị T trả ông bà số tiền gốc là 24.000.000 đồng còn số tiền lãi anh H chị T đã trả từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 12 năm 2017 và số tiền 300.000 đồng đã trả từ tháng 01 năm 2018 thì ông bà chấp nhận, còn số tiền lãi anh H chị T chưa trả cho ông bà từ tháng 02 năm 2018 đến nay thì ông bà không yêu cầu nữa. Ông bà yêu cầu anh H chị T trả số tiền gốc 01 triệu đồng/ tháng kể từ tháng 08/2018.

Tại phiên tòa sơ thẩm: ông bà T L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và yêu cầu vợ chồng anh chị H T phải trả ông bà số tiền nợ gốc 24.000.000 đồng, trong thời hạn 2 năm và mỗi tháng phải trả cho ông bà ít nhất 500.000 đồng, kể từ tháng 9 năm 2018.

*Bị đơn anh Bùi Hữu H và chị Nguyễn Thị T (Vũ Thị C) trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Vợ chồng anh H chị T thừa nhận thời gian từ tháng 4/2016 anh chị có làm nhà vì còn thiếu khoản tiền nên anh chị đã vay của ông T bà L (là bố đẻ và mẹ kế) số tiền 24.000.000 đồng và có viết giấy vay tiền thỏa thuận lãi trả hàng tháng là 500.000 đồng kể từ tháng 4 năm 2016. Trong thời gian anh chị đã trả được số tiền lãi từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 12 năm 2017 và tháng 01 năm 2018 trả được 300.000 đồng. Do hoàn cảnh anh H chị T khó khăn không có khả năng để trả tiền lãi như đã thỏa thuận với ông T bà L nên anh chị đề nghị hàng tháng được trả ông T bà L số tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng tiền gốc, còn số tiền lãi thì vợ chồng anh H chị T xin không phải trả.

Tại phiên hòa giải anh H chị T có quan điểm: Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị là hàng tháng trả ông T bà L số tiền gốc từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng tiền gốc, còn số tiền lãi thì vợ chồng anh chị xin không phải trả. Đối với số tiền lãi anh chị đã trả ông T bà L từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 01 năm 2018 đề nghị chuyển thành số tiền gốc mà anh chị đã vay của ông T bà L. Cụ thể:

Từ tháng 4/2016 đến tháng 01/2018 anh H chị T đã trả được số tiền 500.000 đồng x 21 tháng + 300.000 đồng = 10.800.000 đồng.

Số tiền còn lại anh chị phải trả: 24.000.000 đồng - 10.800.000 đồng = 13.200.000 đồng. Mỗi tháng anh chị sẽ trả từ 500.000 đồng đên 1.000.000 đồng vào tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa: Anh H công nhận việc vợ chồng anh H chị T đã vay nợ ông bà T L số tiền 24.000.000 đồng, chấp nhận số tiền lãi đã thỏa thuận 500.000 đồng/ tháng và chấp nhận số tiền thực tế đã trả 10.800.000 đồng là tiền thanh toán lãi theo thỏa thuận, không yêu cầu hoàn trả số tiền đã trả lãi vượt quá so với mức lãi suất quy định. Đối với số tiền lãi chưa thực hiện từ tháng 02 năm 2018 thì anh Hà xin không phải thực hiện tiếp.

*) Biên bản xác minh ngày 01/8/2018 tại trụ sở Công an phường K, thành phố T - Ông Đặng Tiến C, Cảnh sát khu vực cho biết:

Anh Bùi Hữu H và chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại tổ 04, đường T, phường K, thành phố T. Trong sổ hộ khẩu và tên thường gọi của chị Nguyễn Thị T và tên trong hộ khẩu là Vũ Thị C đều là một người.

*) Biên bản xác minh ngày 01/8/2018 tại gia đình ông Đặng Quang V, tổ trưởng tổ dân phố số 04, phường K, thành phố T xác nhận: Anh Bùi Hữu H và chị Nguyễn Thị T (Vũ Thị C) hiện đang lao động tự do, gia đình anh H chị T không thuộc diện nghèo và cũng không thuộc diện miễn thuế Nhà nước tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ Điều 466; Điều 469; 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Hữu T và bà Nguyễn Thị L, buộc bị đơn anh Bùi Hữu H và chị Nguyễn Thị T (Vũ Thị C) phải trả ông T bà L số tiền nợ gốc là 24.000.000 đồng, trong vòng 2 năm, mỗi tháng số tiền phải trả tối thiểu là 500.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2018. Đối với số tiền lãi suất anh H chị T đã thực hiện vượt quá theo quy định của pháp luật, anh chị không yêu cầu hoàn trả lại nên vấn đề này không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Bùi Hữu H và chị Nguyễn Thị T (Vũ Thị C) chịu án phí dân sự sơ thẩm: 1.200.000 đồng.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Bùi Hữu T và bà Nguyễn Thị L yêu cầu anh Bùi Hữu H và chị Nguyễn Thị T (Vũ Thị C) trả lại ông bà số tiền nợ gốc là 24.000.000 đồng đã vay của ông từ tháng 4 năm 2016, lãi suất theo thỏa thuận và không yêu cầu phần lãi suất chưa thực hiện. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, không kỳ hạn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

1.2 Về sự ủy quyền của đương sự và sự có mặt của các đương sự:

Nguyên đơn ông Bùi Hữu T, bà Nguyễn Thị L và bị đơn anh Bùi Hữu H có mặt tại phiên tòa. Bị đơn chị Nguyễn Thị T (Vũ Thị C) vắng mặt và có giấy ủy quyền cho chồng là anh Bùi Hữu H đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án. Việc ủy quyền phù hợp theo quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung vụ án:

Do cần tiền, khoảng tháng 4 năm 2016, vợ chồng anh Bùi Hữu H và chị Nguyễn Thị T (Vũ Thị C) có đã vay của vợ chồng ông Bùi Hữu T và bà Nguyễn Thị L số tiền 24.000.000 đồng, không xác định thời hạn và thỏa thuận lãi suất trả 500.000 đồng/tháng. Do vậy xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, không kỳ hạn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh chị Hà, Thúy thừa nhận việc vay mượn số tiền trên của vợ chồng ông T bà L và chấp nhận việc trả số tiền trên cho ông bà T L. Mặt khác, tại phiên tòa, hai bên đã thống nhất anh H chị T có trách nhiệm trả số tiền trên trong 02 năm và mỗi tháng phải trả cho ông bà T L ít nhất 500.000 đồng, kể từ tháng 9 năm 2018. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông T bà L, buộc anh H và chị T (Vũ Thị C) phải trả cho ông bà số tiền 24.000.000 đồng tiền gốc đã vay.

Về lãi suất: Ông bà T, L không yêu cầu vợ chồng anh H, chị T thực hiện số tiền lãi còn thiếu của tháng 1 năm 2018 và số tiền lãi từ tháng 2 năm 2018 chưa thực hiện.

Ông T, bà n và anh H, chị T đã thỏa thuận mức lãi suất 500.000 đồng/ tháng, vợ chồng anh H, chị T đã thực hiện việc trả lãi từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 01 năm 2018 với tổng số tiền 10.800.000 đồng. Việc thỏa thuận mức lãi suất trên giữa hai bên là không phù hợp, đã vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh H chấp nhận số tiền thực tế đã trả 10.800.000 đồng là tiền thanh toán lãi theo thỏa thuận, không yêu hoàn trả số tiền đã trả lãi vượt quá so với mức lãi suất quy định nên vấn đề này không đặt ra giải quyết.

* Về án phí: Anh Bùi Hữu H và chị Nguyễn Thị T (Vũ Thị C) phải chịu 1.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Căn cứ Điều 466; Điều 469; 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu T và bà Nguyễn Thị L. Buộc anh Bùi Hữu H và chị Nguyễn Thị T (Vũ Thị C) phải trả cho ông T bà L số tiền 24.000.000 đồng tiền gốc, trong vòng 2 năm, mỗi tháng số tiền phải trả tối thiểu là 500.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Thái, bà Lan có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H, chị T (Cài) không thi hành thì anh H, chị T (Cài) phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

* Ông Bùi Hữu T và bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí đối với trường hợp người già.

* Anh Bùi Hữu H và chị Nguyễn Thị T (Vũ Thị C) phải chịu 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn - báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2018).

Nơi nhận:
- *VKSNDTP Thái Bình.*
- *THA TPTB.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Huyền